

PHỤ LỤC TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thực hiện 06 tháng năm 2022	Năm 2023		So sánh kết quả UTH 6 tháng năm 2023 với kết quả 6 tháng năm 2022	So sánh kết quả thực hiện 6 tháng năm 2023 với kế hoạch năm 2023	Ghi chú
				Kế hoạch 2023	UTH 6 tháng năm 2023			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ							
1	Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành kinh tế (Giá so sánh 2010)	%		8%-8,5%				
2	Tổng giá trị sản xuất từng ngành kinh tế	Tỷ đồng	5,285	11,066	5,719	108.21%	51.68%	
	<i>Trong đó:</i>							
	Tổng giá trị sản xuất Công nghiệp- XD	Tỷ đồng	2,698	5,753	2,915	108.04%	50.67%	
	Giá trị sản xuất Thương mại- DV	Tỷ đồng	1,526	3,139	1,701	111.47%	54.19%	
	Tổng giá trị sản xuất Nông-Lâm-Ngư nghiệp	Tỷ đồng (%)	1,061	2,174	1,103	103.96%	50.74%	
3	Cơ cấu tổng giá trị theo ngành kinh tế:	%						
	Công nghiệp- Xây dựng	%		49.50%	48.60%			
	Thương mại- Dịch vụ	%		30.30%	31.70%			
	Nông-Lâm-Ngư nghiệp	%		20.20%	19.70%			
4	Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã		-				Đánh giá vào cuối năm
5	Xây dựng xã NTM nâng cao	Xã		2				Đánh giá vào cuối năm
6	Thu nhập bình quân đầu người	(triệu đồng/ người/năm)		50				Đánh giá vào cuối năm
7	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	152.734	450	195.169	127.78%	43.37%	
II	Chỉ tiêu về văn hoá- xã hội							Đánh giá vào cuối năm
1	Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia	Trường		2				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thực hiện 06 tháng năm 2022	Năm 2023		So sánh kết quả UTH 6 tháng năm 2023 với kết quả 6 tháng năm 2022	So sánh kết quả thực hiện 6 tháng năm 2023 với kế hoạch năm 2023	Ghi chú
				Kế hoạch 2023	UTH 6 tháng năm 2023			
2	Xây dựng trường học đạt chuẩn gia - đạt chuẩn mức độ 2	Trường		12				
3	Giảm số hộ nghèo	Hộ		Trên 50				Đánh giá vào cuối năm
4	Giải quyết việc làm mới	Người		2,700				Đánh giá vào cuối năm
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%		71				Đánh giá vào cuối năm
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm dưới	%		6.30				
7	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%		95.70				
8	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố văn hoá	%		Trên 90%				
9	Tỷ lệ cơ quan đạt chuẩn văn hoá	%		Trên 97%				
III	Chỉ tiêu về môi trường							Đánh giá vào cuối năm
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%		Trên 20				
2	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%		100				
3	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%		80				
IV	Chỉ tiêu về nội chính, an ninh, quốc phòng							Đánh giá vào cuối năm
1	Xây dựng chính quyền hoàn thành tốt nhiệm vụ	%		Trên 90%				
2	Tỷ lệ công dân nhập ngũ	%		100				
3	Tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%		90				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thực hiện 06 tháng năm 2022	Năm 2023		So sánh kết quả UTH 6 tháng năm 2023 với kết quả 6 tháng năm 2022	So sánh kết quả thực hiện 6 tháng năm 2023 với kế hoạch năm 2023	Ghi chú
				Kế hoạch 2023	UTH 6 tháng năm 2023			
4	Xã, thị trấn đạt vững mạnh về quốc phòng, an ninh	%		100				

